TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 05 - 01 -2023
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thận và ông Phạm Thành Đô
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2022/QĐXX - ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị N, sinh năm: 2000
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994
Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2022 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nvà anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước ngày 28/6/2021. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có một người con chung, họ tên là Nguyễn Văn Duy Đ, sinh ngày 02/5/2022. Từ khi chị và anh M sống ly thân thì chị là người trực tiếp chăm sóc cháu Đ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M cùng cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chị N và anh M tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh M tự nguyên chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị và anh M đã sống ly thân một khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay, sự việc này cũng đã được người làm chứng cùng nơi chị N và anh M cư trú xác nhận. Trong thời gian sống ly thân chị N và anh M không có sự chăm sóc, chia sẻ cho nhau, dẫn đến hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, chị N và anh M đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị và anh M có một người con chung, họ tên là Nguyễn Văn Duy Đ, sinh ngày 02/5/2022. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Xét thấy, hiện nay cháu Đ còn nhỏ, cần có sự trông nom, chăm sóc chu đáo từ người mẹ, mặt khác từ khi chị N và anh M sống ly thân thì chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Văn Duy Đ, sinh ngày 02/5/2022 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35;Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị N. Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không còn hiệu lực khi Bản án hôn nhân gia đình về việc ly hôn của anh chị có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Duy Đ, sinh ngày 02/5/2022 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000707, ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà